

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HS-ST
Ngày 27-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và bà Phạm Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Hồ Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Phạm Công M, sinh năm 1997 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái N và bà Phạm Thị Mỹ A; chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ ngày 08/01/2019 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: 93 T, tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1986; địa chỉ: 82/6 B, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1987; địa chỉ: 23 A, tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1991; địa chỉ: 23 A, tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Võ Thị Kim P, sinh năm 1994; địa chỉ: 80/1 P, tổ 11, phường T, thành

phố P, tỉnh Gia Lai; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 6, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Hồ X, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Nguyễn Phạm Công M là người có sử dụng ma túy. Ngày 05/01/2019, khi đến chơi tại quán Bar SEF LOUNGE ở đường H, phường I, thành phố P, M nhặt được 1 gói ma túy dạng tinh thể và 2 viên ma túy dạng viên nén, nên cất giấu trong người để sử dụng dần. Khoảng 1 giờ ngày 08/01/2019, M đến khách sạn S ở 93 T, phường H, thành phố P để chơi với một số người bạn gồm: Nguyễn Thành L, Phan Thị Ngọc H, Nguyễn Duy H, Nguyễn Xuân K và Võ Thị Kim P; khi đi, M mang theo số ma túy đã nhặt được trong người. Khi M đến khách sạn S, thì gặp L và Ngọc H cũng vừa đến; trên bàn trong phòng do Duy H, Xuân K và P thuê đã có sẵn ma túy (đây là ma túy do Duy H mua mang đến để sử dụng). M sử dụng một ít ma túy có sẵn trên bàn và uống bia, nghe nhạc. Đến 3 giờ 20 phút ngày 08/01/2019, khi M và các đối tượng trên đang ở trong phòng, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P kiểm tra. Cơ quan điều tra phát hiện trong người M có chất nghi là ma túy, nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với M. Cơ quan điều tra thu giữ trong người M 1 gói nylon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 3 viên nén màu xanh; các vật chứng trên được niêm phong theo quy định. Cùng lúc với việc bắt giữ M, Cơ quan điều tra phát hiện trong người L có chất nghi là ma túy, nên cũng tiến hành bắt giữ đối với L.

Bị cáo Nguyễn Phạm Công M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Qua trưng cầu giám định, tại Kết luận giám định số 152/KLGD ngày 17/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, kết luận:

“1. Chất màu trắng dạng tinh thể trong gói nylon, trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,324 gam.

2. 02 (hai) viên nén màu xanh trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng 0,8091 gam”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 71/CT-VKS ngày 25/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Phạm Công M về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Phạm Công M và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phạm Công M phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Công M với mức án tù 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2019.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy 1 bì công văn niêm phong số 152 ghi ngày 17/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, tại mép mặt sau có đóng dấu tròn niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai và có các chữ ký Bùi Sĩ T, Nguyễn Văn Q, Phạm Thế D.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Phạm Công M phạm tội như sau:

Lúc 3 giờ 20 phút ngày 08/01/2019, tại khách sạn S ở 93 T, tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi Nguyễn Phạm Công M đang cất giấu trong người 0,324 gam chất ma túy loại Ketamine và 0,8091 gam chất ma túy loại MDMA với mục đích để sử dụng, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được tác hại của các chất ma túy đối với sức khỏe con người, việc sử dụng các chất ma túy là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, bị cáo cũng biết rõ pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm.

Vì vậy, đủ cơ sở khẳng định bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một mức án tương xứng.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Tịch thu và tiêu hủy 1 bì công văn niêm phong số 152 ghi ngày 17/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, tại mép mặt sau có đóng dấu tròn niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai và có các chữ ký Bùi Sĩ T, Nguyễn Văn Q, Phạm Thế D.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi tàng trữ chất ma túy do Nguyễn Thành L thực hiện tại khách sạn S cùng thời điểm Nguyễn Phạm Công M bị bắt, qua điều tra xác định không liên quan đến hành vi tàng trữ chất ma túy do Linh thực hiện trong vụ án này, nên đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P khởi tố, xử lý về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” ở một vụ án khác là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Duy H, qua điều tra xác định: H mua chất ma túy dạng tinh thể mang đến khách sạn S là để sử dụng, ngoài ra không có mục đích gì khác; bản thân H không có lời nói, hành động rủ rê, lôi kéo bị cáo Nguyễn Phạm Công M và Nguyễn Xuân K, Võ Thị Kim P, Phan Thị Ngọc H cùng sử dụng ma túy với mình. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P kiểm tra, phát hiện vụ việc, thì số ma túy do H mua đã được sử dụng hết. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H về các hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy hoặc tổ chức sử dụng chất ma túy. Công an thành phố P đã xử phạt hành chính đối với H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt tiền là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Xuân K, Võ Thị Kim P và Phan Thị Ngọc H, qua điều tra xác định: K, P và H không biết, không bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Duy H về việc mua ma túy dạng tinh thể mang đến khách sạn S để cùng sử dụng với nhau; việc K, P và H sử dụng số ma túy của H là do tự nguyện, chứ không được H rủ rê, xúi giục. K, P và H cũng không biết gì về việc bị cáo Nguyễn Phạm Công M và Nguyễn Thành L có cất giấu ma túy trong người. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với K, P và H về vai trò đồng phạm với bị cáo Nguyễn Phạm Công M trong vụ án này, hoặc hành vi không tố giác tội phạm. Công an thành phố P đã xử phạt hành chính đối với K, P và H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt tiền là có căn cứ.

Đối với anh Phạm Văn Q là quản lý khách sạn S và anh Nguyễn Hữu K là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ xây dựng K - đơn vị chủ quản của khách sạn S, qua điều tra không có căn cứ xác định anh Q và anh K biết, đồng ý để cho các đối tượng Nguyễn Duy H, Nguyễn Xuân K, Võ Thị Kim P, Phan Thị Ngọc H và bị cáo Nguyễn Phạm Công M sử dụng ma túy trong phòng của khách sạn S; không có căn cứ xác định anh Q và anh K biết việc bị cáo Nguyễn Phạm Công M và Nguyễn Thành L mang theo ma túy đến khách sạn S vào tối ngày 07, rạng sáng ngày 08/01/2019. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Q và anh K về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy hoặc không tố giác tội phạm. Theo đề nghị của Công an thành phố P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã xử phạt hành chính đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ xây dựng K về hành vi để cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực mình quản lý, bằng hình thức phạt tiền là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phạm Công M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Phạm Công M;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phạm Công M phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Công M 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy 1 bì công văn niêm phong số 152 ghi ngày 17/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, tại mép mặt sau có đóng dấu tròn niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai và có các chữ ký Bùi Sĩ T, Nguyễn Văn Q, Phạm Thế D.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/5/2019 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Phạm Công M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Nguyễn Phạm Công M có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với anh Phạm Văn Q và anh Nguyễn Hữu K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- UBND thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền